

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-02-2021

V/v “ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Khúc Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Tăng Văn Chín

2/ Bà Phạm Kim Tuyền

Thư ký phiên tòa: ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 341/2020/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh năm 1974, có mặt

Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: anh Văn Thành T, sinh năm 1969, vắng lần 2 không lý do

Nơi cư trú: khu vực D, phường E, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Trâm A trình bày như sau:

Hôn nhân giữa chị và anh T đến với nhau do tự quen biết sau thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm, tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn ngày 03/12/2003 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Theo chị Trâm A đời sống hôn nhân của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có con chung nên anh Thượng buồn và anh có quen người phụ nữ khác. Nhận thấy không thể duy trì đời sống vợ chồng nên đã ly thân nhau từ năm 2011 cho đến nay. Thời gian ly thân cả hai đều liên lạc để hàn gắn tình cảm nhưng không được. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, riêng và nợ: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Văn Thành T mặc dù đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh, đồng thời vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa.

Phân trình bày của các đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

Về hôn nhân: xin ly hôn với anh Văn Thành T.

Về con chung: không có, không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung, riêng và nợ: không yêu cầu giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: chị Nguyễn Ngọc Trâm A được ly hôn với anh Văn Thành T; Về con: không có, không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, riêng và nợ: không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Ngọc Trâm A khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Văn Thành T, vì vậy quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là: “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Văn Thành T có nơi cư trú tại: khu vực D, phường E, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Văn Thành T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Hôn nhân giữa chị Trâm A và anh T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo chị Trâm A trình bày, nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do vợ chồng chung sống không có con chung và anh T không chung thủy dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Vợ chồng đã không chung sống với nhau từ năm 2011 đến nay, trong thời gian không còn sống chung, có liên lạc thăm hỏi nhau nhưng không hàn gắn được tình cảm. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T nhiều lần để tham gia tố tụng về yêu cầu xin ly hôn của chị Trâm A, nhưng anh T đều vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu của chị. Từ đó, có thể thấy rằng anh T không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, bỏ mặc quan hệ hôn nhân. Nếu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trâm A được ly hôn với anh T cũng không đem lại hạnh phúc cho anh chị. Do đó, chấp nhận cho chị Trâm A được ly hôn với anh T là phù hợp.

[2.2] Về con: Theo lời khai của chị Trâm A, chị và anh T không có con chung, nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, riêng và nợ: Chị Trâm A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng, cũng như đề xuất ý kiến về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định và quyết định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 235; 262; 264; 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 51, 53, 54, 56, 57, 59 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Ngọc Trâm A được ly hôn với anh Văn Thành T.

Về con chung: không có, không đặt vấn đề giải quyết.

Về tài sản chung, riêng và nợ: đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc Trâm A phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được chuyển từ số tiền tạm nộp án phí sang án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/012567 ngày 16/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ, chị Trâm A không phải nộp thêm.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Ngọc Trâm A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án. Anh Văn Thành T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Nơi nhân:

- TAND Tp Cần Thơ;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- Chi THA dân sự quận Thốt Nốt;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Khúc Thị Hồng

